

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HSST
Ngày: 29-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Định.

Bà Hà Thị Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Ánh N (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 10/8/1973, tại thị xã M, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nguyên là công chức Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu B và bà: Hoàng Thị C; có chồng: Nguyễn Trung T và có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:*

- Ông Vừ A K - Sinh ngày: 23/4/1982.

+ Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

- Bà Hồ Thị Vàng - Sinh ngày: 20/5/1987.

+ Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lê Thị Ánh N bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Thị Ánh N nguyên là Phó Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên là người được Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện T phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án Vũ A P bị khởi tố về tội “*Trộm cắp tài sản*” ngày 20/4/2017 tại huyện T. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Vũ A K (em trai của bị can Vũ A P) đã được ông Vũ A C, cán bộ Công an huyện T dẫn sang gặp Lê Thị Ánh N tại Viện kiểm sát nhân dân huyện T để nhờ giúp đỡ cho Vũ A P. Sau khi trao đổi, bị cáo Lê Thị Ánh N có nói “*Bây giờ làm gì cũng phải mất một khoản kinh phí*” (N giải thích cho ông Vũ A K khoản chi phí này phải chi phí cho ba cơ quan là Viện kiểm sát, Tòa án và Công an huyện T) nhưng N không nói cụ thể là bao nhiêu tiền, ông K có hỏi số tiền cụ thể là bao nhiêu nhưng bị cáo nói việc này tế nhị, nếu đồng ý các chị giúp thì cứ về trước, có gì về hỏi ông Vũ A C sau. Thấy bị cáo N nói vậy, ông K ra về. Khoảng 19 giờ cùng ngày ông Vũ A K sang nhà ông Vũ A C hỏi ông C việc buổi chiều N trao đổi như thế nào với ông C, ông C có nói với ông K việc của Vũ A P phải chi phí 100 triệu đồng, nếu nhất trí như vậy thì xuống gặp N. Ngày 15/5/2017, ông Vũ A K đến phòng làm việc của Lê Thị Ánh N hỏi về việc ông Vũ A C đã trao đổi với ông K là gia đình ông phải mất một khoản kinh phí 100 triệu đồng mới giúp được Vũ A P có phải như ông C nói không. N nói: “*Như hôm trước trao đổi là phải mất một khoản kinh phí*” nhưng N không nói cụ thể là bao nhiêu. Ông K hỏi N nếu gia đình mất một khoản tiền thì mức án của Vũ A P như thế nào, N nói với ông K là “*Sẽ xem xét cho P ở mức án nhẹ nhất, có thể là án treo hay cải tạo không giam giữ, đảm bảo cho P giữ được việc làm còn về chức vụ và Đảng thì không đảm bảo*”. Trao đổi với N xong ông K ra về và gọi điện cho ông Vũ Chè P vay 30 triệu đồng nhưng không nói lý do vay để làm gì và ông K cũng trao đổi với bà Hồ Thị V (vợ của bị can Vũ A P) cho bà V vay 10 triệu đồng để đưa cho Lê Thị Ánh N. Sau khi vay được tiền, chiều ngày 16/5/2017, ông Vũ A K mang 30 triệu đồng đến Viện kiểm sát nhân dân huyện T đưa cho bị cáo Lê Thị Ánh N. Sáng ngày 17/5/2017, N gọi điện cho Vũ A K bảo K đưa chị Hồ Thị V (vợ của bị can Vũ A P) đến trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện T để N hướng dẫn làm đơn từ chối luật sư. Tại đây, bà Hồ Thị V đã đưa cho Lê Thị Ánh N 10 triệu đồng để N giúp P giảm án. Ngày 18/5/2017, ông Vũ A K và bà Hồ Thị V đã làm đơn tố cáo hành vi nhận hối lộ của Lê Thị Ánh N gửi Công an tỉnh Điện Biên, kèm theo đơn ông Vũ A K và bà Hồ Thị V còn cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã cũ; 01 Camera dạng bút màu đen - vàng bên trong có 01 thẻ nhớ loại 08 GB có ghi hình, ghi âm việc Lê Thị Ánh N nhận tiền của ông K và bà V.

Ngày 18/5/2017, Công an tỉnh Điện Biên thụ lý tin báo, tố giác về tội phạm. Lê Thị Ánh N đã khai nhận hành vi vi phạm của mình và tự giao nộp lại số tiền 40 triệu đồng cho Cơ quan CSĐT (PC44) Công an tỉnh Điện Biên.

Ngày 29/5/2017, Công an tỉnh Điện Biên chuyển vụ việc trên cho cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 12/6/2017, Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ra Quyết định trưng cầu giám định số: 21/VKSTC- C1(P8), đề nghị Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an giám định tiếng nói, hình ảnh của những người có trong File ghi âm, ghi hình do ông Vừ A K giao nộp cho Công an tỉnh Điện Biên. Chuyển toàn bộ nội dung ghi âm, ghi hình trong các mẫu cần giám định thành văn bản.

Tại Bản kết luận giám định số: 24/C54-P6 ngày 09/10/2017 của Viện khoa học Hình sự, Bộ Công an kết luận nội dung ghi âm, ghi hình phản ánh các cuộc nói chuyện giữa ông Vừ A K với bà Lê Thị Ánh N; giữa ông Vừ A K, bà Hồ Thị V với bà Lê Thị Ánh N; có đoạn N đọc cho V viết đơn từ chối thuê Luật sư và việc ông K, bà V đưa tiền cho N như nội dung vụ án đã nêu trên. Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt, ghép, làm thay đổi nội dung ghi âm, ghi hình trong các tập tin mẫu giám định.

Tại bản Cáo trạng số: 31/CT-VKSTC-V6 ngày 30/01/2018, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Ánh N ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên về tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354/BLHS (năm 2015).

Bản luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị Ánh N, đề nghị áp dụng điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh N với mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “*Nhận hối lộ*”, đề nghị áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106/BLTTHS năm 2015 tuyên trả lại cho ông Vừ A K 01 điện thoại di động đã cũ, 01 camera dạng bút màu đen - vàng bên trong có 01 thẻ nhớ loại 08 GB có ghi hình, ghi âm việc Lê Thị Ánh N nhận tiền của ông K và bà V. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo ở tại Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao

và tại phiên tòa sơ thẩm không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Ánh N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát vừa công bố.

Bị cáo khai nhận rằng:

Ngày 09/5/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án đối với bị can Vừ A P, sinh năm 1980 trú tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Điện Biên về tội "*Trộm cắp tài sản*"

Sau khi thụ lý vụ án, bị cáo Lê Thị Ánh N - Là người được Viện trưởng, Viện kiểm sát nhân dân huyện T phân công giải quyết vụ án trên.

Chiều ngày 12/5/2017, ông Vừ A K (em trai của Vừ A P) đến gặp Lê Thị Ánh N tại trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện T khi gặp Lê Thị Ánh N, ông Vừ A K đã đặt vấn đề nhờ N giúp đỡ bị can Vừ A P. Sau khi nghe ông Vừ A K trình bày về việc giúp đỡ cho Vừ A P, bị cáo Lê Thị Ánh N có nói lại với ông K "*Có muốn các chị giúp không?*", ông K nói là "*Có*", N nói "*Bây giờ làm gì cũng phải mất một khoản kinh phí*" (Lê Thị Ánh N giải thích cho ông Vừ A K phải mất một khoản kinh phí nhưng không nói cụ thể là bao nhiêu) ông K còn hỏi cụ thể là bao nhiêu tiền, N nói việc này tế nhị, sau đó ông Vừ A K ra về.

Ngày 15/5/2017, Vừ A K đến phòng làm việc của bị cáo N hỏi về việc kinh phí 100 triệu đồng mới giúp được P có phải như ông C nói không, N nói "*Như hôm trước trao đổi là phải mất một khoản kinh phí*" nhưng N không nói cụ thể là bao nhiêu, ông K nói với Lê Thị Ánh N là gia đình mất một khoản tiền thì mức án của Vừ A P như thế nào, N có nói với ông K là "*Sẽ xem xét cho P ở mức án nhẹ nhất có thể là án treo hay cải tạo không giam giữ, đảm bảo cho P giữ được việc làm, còn về chức vụ và Đảng thì không đảm bảo*". Trao đổi xong với N, ông Vừ A K ra về. Chiều ngày 16/5/2017, ông K mang 30 triệu đồng đến Viện kiểm sát nhân dân huyện T đưa cho Lê Thị Ánh N. N nhận tiền và yêu cầu ông K đưa bà Hờ Thị V (vợ P) đến gặp N để viết đơn từ chối Luật sư, vì theo N nếu nhờ các cơ quan tố tụng thì thôi Luật sư, nếu thuê Luật sư thì thôi không nhờ cơ quan tố tụng. Sáng ngày 17/5/2017, N gọi điện thoại cho ông Vừ A K bảo ông K đưa bà Hờ Thị V đến trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện T để làm việc. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, ông Vừ A K và bà Hờ Thị V đến phòng làm việc của N. Tại đây, bà Hờ Thị V đưa thêm cho Lê Thị Ánh N 10 triệu đồng, N nhận tiền và đếm lại sau đó N đọc cho Hờ Thị V viết đơn từ chối Luật sư. Cùng ngày, Viện kiểm sát nhân dân huyện T chuyển hồ sơ vụ án Vừ A P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" sang Tòa án nhân dân huyện T để xét xử.

Ngày 18/5/2017, bị cáo có đơn tố giác về hành vi nhận hối lộ số tiền 40 triệu đồng của ông Vũ A K và bà Hồ Thị V. Tại cơ quan Điều tra, bị cáo đã nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền cho cơ quan Điều tra, Công an tỉnh Điện Biên.

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo ở tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay đã phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ (bản ghi âm, ghi hình), phù hợp với lời khai của bị cáo ở tại cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao, phù hợp với lời khai của ông Vũ A K, bà Hồ Thị V là người trực tiếp đưa tiền hối lộ cho Lê Thị Ánh N. Từ những căn cứ nêu trên, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã có đủ căn cứ xác định Lê Thị Ánh N, nguyên là Kiểm sát viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa được lãnh đạo phân công thụ lý giải quyết vụ án Vũ A P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án bị cáo đã nhận 30 triệu đồng của ông Vũ A K và 10 triệu đồng của bà Hồ Thị V và hứa hẹn giảm nhẹ hình phạt cho bị can Vũ A P. Xét thấy, hành vi nhận tiền và hứa hẹn để giúp giảm nhẹ hình phạt cho Vũ A P là có tội và hành vi phạm tội của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Nhận hối lộ*”. Trong vụ án này, bị cáo N đã trực tiếp nhận 40.000.000,đ (bốn mươi triệu đồng chẵn) của ông Vũ A K, bà Hồ Thị V, hành vi phạm tội của bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố Lê Thị Ánh N ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên về tội “*Nhận hối lộ*” theo điểm a khoản 1 Điều 354/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Ánh N đã phạm vào tội “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại khoản 2 Điều 279/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2018 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017 có hiệu lực thi hành, có khung hình phạt thấp hơn Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, các quy định khác có lợi cho người phạm tội. Do đó, cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354/BLHS năm 2015 sửa đổi 2017.

[3] Tính chất vụ án HĐXX thấy rằng:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng bởi hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sự hoạt động đúng đắn và uy tín của các cơ quan, xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn làm giảm lòng tin của nhân dân đối với hiệu lực quản lý Nhà nước. Do vậy, cần áp dụng một hình phạt tù phù hợp với tính chất vụ án và mang tính chất phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, thấy rằng:

Bị cáo Lê Thị Ánh N được xuất thân từ một gia đình cơ bản. Trước ngày phạm tội bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ rõ sự ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, sau khi vụ án xảy ra bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả, nộp lại toàn bộ số tiền mà bị cáo đã nhận hối lộ và trong quá trình công tác bị cáo Lê Thị Ánh N là người

đã có thành tích xuất sắc được cấp trên tặng nhiều giấy khen, bằng khen. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng điểm b, điểm s, điểm v, khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 được sửa đổi năm 2017.

Ngoài tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 bởi bố, mẹ của bị cáo là người có công với Nhà nước, được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến (BL 209-210) và Trước ngày phạm tội bị cáo cũng đã đi mổ u tuyến yên sọ não. Theo chỉ định của bác sỹ, bị cáo còn phải tiếp tục theo dõi bệnh, điều trị ngoại khoa: "*Phẫu thuật lấy u nội soi có Navi*" và hẹn khám lại theo định kỳ (bệnh án ngày khám: 08/3/2018). Theo phiếu siêu âm ngày 27/02/2018 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên đã kết luận hiện bị cáo đang bị "*U xơ tử cung*". Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 54/BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, người thân và để có điều kiện chữa trị bệnh đồng thời cũng để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta đối với người đã biết ăn năn hối cải về tội lỗi của mình, xong vẫn cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của luật pháp.

Về tình tiết tăng nặng: Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: "*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Hội đồng xét xử xét thấy, hiện bị cáo đã bị thôi việc, thường xuyên ốm đau phải đi khám chữa bệnh, kinh tế hiện tại bị cáo phụ thuộc vào chồng (đã có xác nhận của chính quyền địa phương). Do vậy, Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5]Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại Điều 47/BLHS năm 2015 và Điều 106/BLTTHS năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành gồm: 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng chẵn) xét thấy số tiền trên là do ông Vũ A Ký, bà Hồ Thị Vàng đưa hối lộ, xong căn cứ vào khoản 7 Điều 364/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cần trả lại cho ông Ký và bà Vàng.

Đối với 01 Camera dạng bút, màu đen vàng bên trong có 01 thẻ nhớ 8GB không kiểm tra tình trạng hoạt động của camera và 01 Điện thoại di động OPPO đã cũ có imel1: 358916024621299; Imel2: 358916024621281 là chứng cứ do ông Vũ A Ký giao nộp cho cơ quan Điều tra. Xét thấy, các chứng cứ đã được cơ quan Điều tra sao chép lại do vậy, cần tịch thu, tiêu hủy vì không còn giá trị sử dụng.

Đối với ông Vũ A Ký và bà Hồ Thị Vàng có hành vi đưa tiền cho bị cáo Lê Thị Ánh Nguyệt để nhờ giúp đỡ cho bị can Vũ A Phóng là theo yêu cầu của bị cáo. Sau khi đưa tiền cho Nguyệt, ông Ký và bà Vàng đã chủ động khai báo và làm đơn tố cáo Lê Thị Ánh Nguyệt, tích cực phối hợp với cơ quan Điều tra làm rõ sự thật vụ án. Căn cứ khoản 7 Điều 364/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 hành vi đưa tiền của ông Ký và bà Vàng được coi là không có tội nên cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao không đề cập xử lý, do vậy Tòa án không đặt vấn đề xử lý trong cùng vụ án.

Đối với ông Vũ A Của, quá trình điều tra không xác định được ông Vũ A Của và bị cáo Lê Thị Ánh Nguyệt có trao đổi bàn bạc với nhau để giúp đỡ Vũ A Phóng nên cơ quan Điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Tòa án cũng không đặt vấn đề xử lý trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, cũng cần kiến nghị với giám đốc Công an tỉnh Điện Biên xử lý hành chính nghiêm khắc.

[6]Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a khoản 1 Điều 354/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b, điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54/BLHS 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố:

Bị cáo **Lê Thị Ánh Nguyệt** phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ánh Nguyệt **12 (mười hai)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: Điều 47/BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106/BLTTHS năm 2015.

** Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ A Ký:*

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*)

** Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Vàng:*

- Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*)

** Tịch thu tiêu hủy:*

- (01) Camera dạng bút, màu đen vàng bên trong có 01 thẻ nhớ 8GB không kiểm tra tình trạng hoạt động của camera.

- (01) Điện thoại di động OPPO đã cũ có imel1: 358916024621299; Imel2: 358916024621281.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng giữa cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 02 tháng 02 năm 2018).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2018).

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- Vụ 6 - VKSTC;
- Cơ quan điều tra - VKSTC
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Trại tam giam;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Cục THA dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng hành chính TP - Sở Tư pháp;
- UBND xã (T/B);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa